

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG CẤP CHO CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1416/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Nhân Lý)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tiền lương tăng thêm theo ND 161	Tiền thưởng tăng thêm theo ND 161	Tăng phụ cấp khu vực theo Thông tư số 15/2026/TT-BNV	Tăng phụ cấp chức vụ theo Nghị định 07/2026/NĐ-CP	Tăng phụ cấp ưu đãi, Thu hút, lâu năm theo QĐ 191/QĐ-UBND tỉnh Lạng Sơn	Tăng phụ cấp ưu đãi nghề theo Nghị định 182/2006/NĐ-CP	Trợ cấp tăng thêm cho cán bộ xã đã nghỉ việc	Trợ cấp lần đầu theo Nghị định 76	Tổng cộng nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách	KP lương và các khoản có tính chất lương đã cấp tại quyết định số 1109/QĐ-UBND xã	Số kinh phí còn lại phải cấp	Ghi chú
A	B		1	2	3	4	5	6	7	8=1+...7	9	10=8-9	11
	Tổng cộng	3.238	128	394	318	11.304	2.513	0	23	17.918	1.140	16.778	
I	Khối QLNN, Đảng, Đoàn thể	484	23	78	304	2.760	0	0	0	3.649	1.060	2.589	
1	Các cơ quan QLNN	237	11	38	182	1.323	0	0	0	1.791	520	1.271	
-	Văn phòng HĐND&UBND	108	5	17	141	664				935	300	635	
-	Phòng Kinh tế	58	3	8	18	367				454	80	374	
-	Phòng Văn hoá - Xã hội	43	2	7	18	199				269	80	189	
-	Trung tâm phục vụ hành chính công	28	1	6	5	93				133	60	73	
2	Đảng, đoàn thể	210	10	31	122	1.209	0	0	0	1.582	540	1.042	
-	Văn phòng Đảng uỷ	156	7	21	73	896				1.153	340	813	
-	Ủy ban MTTQ Việt Nam xã	54	3	10	49	313				429	200	229	
3	Hợp đồng QLNN, Đảng, Đoàn thể	37	2	9	0	228	0	0	0	276		276	
-	Văn phòng HĐND&UBND	20	1	6		119				146		146	
-	Văn phòng Đảng uỷ	17	1	3		109				130		130	
II	Khối đơn vị sự nghiệp	2.754	105	316	14	8.544	2.513	0	23	14.269	80	14.189	
1	Sự nghiệp giáo dục	2.543	95	288	0	7.858	2.513	0	23	13.320		13.320	
-	Trường MN Nhân Lý	325	12	44		981	328			1.690		1.690	
-	Trường MN Mai Sao	496	18	62		1.734	486			2.796		2.796	
-	Trường Tiểu học Nhân Lý	609	22	60		1.750	600		23	3.064		3.064	
-	Trường Tiểu học Mai Sao	458	17	48		1.244	418			2.185		2.185	
-	Trường THCS Mai Sao	377	15	42		1.786	357			2.577		2.577	
-	Trường THCS Bắc Thủy	278	11	32		363	324			1.008		1.008	
2	Trạm Y tế xã	164	7	22		363				556		556	
3	Trung tâm dịch vụ công ích	47	3	6	14	323				393	80	313	

Ghi chú: Đối với Văn phòng Đảng uỷ thực hiện giảm trừ 360 triệu đồng theo quyết định số 1109/QĐ-UBND do trong dự toán giao năm 2026 giao tính thiếu lương và các khoản có tính chất lương năm 2026.